

ĐỀ XUẤT BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, THIÊN TAI TẠI CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CẤP LÀNG XÓM THÔN

Phạm Hồng Cường

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Tóm tắt: Việc đề xuất một bộ tiêu chí đánh giá năng lực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai tại cộng đồng dân cư cấp làng, xóm thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu giúp cho các địa phương tự đánh giá được năng lực ứng phó, chống chịu với các tác động bất lợi của thiên tai và biến đổi khí hậu, cũng như giúp các nhà quản lý nắm được thực trạng năng lực của các địa phương. Bài báo này trình bày nguyên tắc xây dựng, phân tích đưa ra nhóm các chỉ tiêu và đề xuất bộ tiêu chí đánh giá năng lực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai tại cộng đồng dân cư cấp làng, xóm thôn.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, thiên tai, năng lực bảo vệ môi trường

Summary: Proposing a set of criteria for assessing the capacity of environmental protection and responding to climate change and natural disasters in the village and village communities in the context of global climate change helps localities in self-assessments of capacity to cope with adverse impacts of natural disasters and climate change, as well as help managers understand the current capacity situation of localities. This paper presents the principles for formulation and analysis of indicators and proposing criteria for assessment of environmental protection and response to climate change and natural disasters at the village level

Key words: Climate change, natural disasters, capacity of environmental protection

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, một trong năm ổ bão của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thường xuyên phải đối mặt với các loại hình thiên tai. Trong vài thập kỷ gần đây, thiên tai xảy ra với mức độ ngày càng trầm trọng, gây nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với cuộc sống của người dân. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động của con người như phát triển công nghệ, đô thị hoá, bùng nổ dân số, suy thoái tài nguyên môi trường đã làm gia tăng mức độ, hậu quả do thiên tai gây ra. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới Việt Nam là một trong những nước bị ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH (WB, 2007). Thời gian gần đây, tần suất xuất hiện các trận mưa lớn và cực lớn có chiều hướng gia tăng, hoạt động của

bão và áp thấp nhiệt đới diễn ra ngày càng phức tạp. Bão lụt không chỉ gây ra những thiệt hại to lớn cho nền kinh tế của đất nước, mà còn ảnh hưởng lớn nặng nề đến đời sống của người dân, nhất là người nghèo.

Hậu quả của BĐKH đối với Việt Nam là nghiêm trọng và là một nguy cơ hiện hữu cho mục tiêu xoá đói giảm nghèo, cho việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững của đất nước. Các lĩnh vực, ngành, địa phương dễ bị tổn thương và chịu tác động mạnh mẽ nhất của biến đổi khí hậu là: tài nguyên nước, nông nghiệp và an ninh lương thực, sức khoẻ; các vùng đồng bằng và dải ven biển. Các cộng đồng dễ bị ảnh hưởng tiêu cực nhất có thể kể tới cộng đồng dân cư cấp làng, xã, thôn tại các vùng hay chịu tác động của thiên tai, BĐKH khu vực ven biển hay miền núi.

Trong bối cảnh như vậy, chính phủ Việt Nam đã và đang tập trung xây dựng các chương trình

Ngày nhận bài: 22/6/2017

Ngày thông qua phản biện: 19/7/2017

Ngày duyệt đăng: 28/7/2017

nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH, và thiên tai như là một yêu cầu cấp thiết nhằm hạn chế và giảm thiểu các tác động bất lợi từ BĐKH, thiên tai cho nhân dân, đặc biệt là cộng đồng dân cư cấp địa phương. Để đánh giá được kết quả thực hiện của công tác này, việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai tại cộng đồng dân cư cấp làng, xóm thôn là hết sức cần thiết.

Bài báo trình bày kết quả xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai tại cộng đồng dân cư cấp làng, xóm thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu. Nghiên cứu này sẽ hỗ trợ cho mục tiêu về xây dựng Tỷ lệ cộng đồng dân cư cấp làng, xóm thôn có năng lực chủ động ứng phó với BĐKH, thiên tai tăng dần từng năm và đạt 30% và 90% trong các năm 2015 và 2020 và góp phần thực hiện Chiến lược bảo vệ Môi trường quốc gia đến 2020, tầm nhìn 2030.

2. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ

Nguyên tắc: Bộ tiêu chí được xây dựng đảm bảo nguyên tắc là mang tính đại diện, tin cậy và khả thi. Các tiêu chí cũng phải đạt được các yêu cầu tối thiểu như: Dễ hiểu và sử dụng được đối với cộng đồng dân cư; Phản ánh được tính đa dạng về mặt xã hội, địa lý, kinh tế; Phản ánh tính bình đẳng giới và bình đẳng giữa các thế hệ trong cộng đồng; Có sự liên hệ giữa các yếu tố xã hội, kinh tế và môi trường BĐKH cũng như thiên tai.

Phương pháp tiếp cận: Bộ tiêu chí được xây b)

dựng dựa trên cách tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên, tiến hành theo các bước sau: (1) Thứ nhất, trên cơ sở Hướng dẫn của Liên hiệp quốc, Dự án của Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) và Hệ thống chỉ tiêu quốc gia, từ đó đưa ra một danh sách các chỉ tiêu có thể mang tính “phổ quát” về mặt quốc tế và quốc gia; (2) Thứ hai, tiến hành tham vấn các chuyên gia chuyên sâu về phát triển bền vững bằng các phiếu hỏi; (3) Thứ ba, xây dựng bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá; (4) Thứ tư, kiểm định bộ tiêu chí tại 02 tỉnh và tổ chức các hội thảo với các địa phương. Các cuộc hội thảo này kết hợp với khảo sát thực địa trên địa bàn giúp trả lời câu hỏi: Bộ tiêu chí đề xuất có phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương hay không? Đây là hướng tiếp cận từ dưới lên.

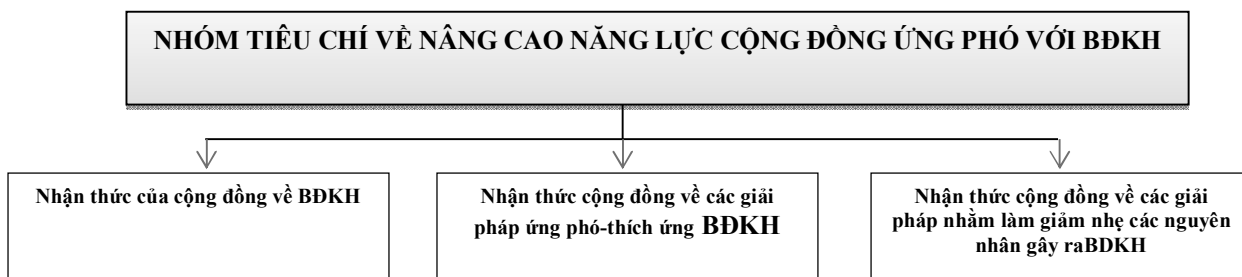
3. NHÓM CÁC TIÊU CHÍ ĐỀ ĐỀ XUẤT BỘ TIÊU CHÍ

Bộ tiêu chí đánh giá năng lực bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH, và thiên tai cho cộng đồng dân cư cấp làng, xóm, thôn đã được xây dựng với 03 nhóm tiêu chí chính, bao gồm: nhóm tiêu chí về môi trường; nhóm tiêu chí về BĐKH và nhóm tiêu chí về thiên tai.

a) Nhóm tiêu chí về năng lực bảo vệ môi trường được xây dựng nhằm đánh giá việc xây dựng năng lực cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường theo nhóm hoạt động sản xuất và sinh hoạt đặc thù của cộng đồng có xét đến 3 yếu tố chính của môi trường là đất, nước và không khí:



c) Nhóm tiêu chí về BĐKH được xây dựng nhằm đánh giá việc xây dựng năng lực cộng đồng trong việc ứng phó với BĐKH theo 03 nội dung:



▪ Nhận thức của cộng đồng về BĐKH: Nhóm tiêu chí này tập trung vào đánh giá năng lực cộng đồng trong việc được trang bị các kiến thức hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu và các tác động của nó tới đời sống người dân.

▪ Nhận thức cộng đồng về các giải pháp ứng phó-thích ứng BĐKH: Nhóm tiêu chí này tập trung vào đánh giá kiến thức cộng đồng về các phương án ứng phó với tác động bất lợi của BĐKH đảm bảo an toàn cho con người (như các kỹ thuật chống chọi nhà cửa, kỹ thuật xây dựng nhà cửa trong điều kiện nước biển dâng...), các kỹ thuật mới trong canh tác nông nghiệp, thủy hải sản phù hợp với điều kiện BĐKH... nhằm đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân.

▪ Nhận thức cộng đồng về các giải pháp nhằm làm giảm nhẹ các nguyên nhân gây ra BĐKH: Nhóm tiêu chí này đánh giá năng lực cộng đồng trong hiểu biết các kiến thức về giảm thiểu phát thải khí nhà kính (VD: kiến thức về trồng rừng, mua bán phát thải khí CO₂...), sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn năng lượng sạch thay cho năng lượng than củi truyền thống trong sinh hoạt hàng ngày...

d) Nhóm tiêu chí về năng lực cộng đồng ứng phó với thiên tai được xây dựng nhằm đánh giá việc xây dựng năng lực cộng đồng trong việc ứng phó với các loại hình thiên tai theo 03 giai đoạn ứng phó thiên tai, ứng với 03 nội dung:



▪ Giai đoạn giảm nhẹ, phòng ngừa thiên tai: Nhóm tiêu chí này tập trung vào đánh giá năng lực cộng đồng trong việc được trang bị các kiến thức cơ bản về thiên tai (VD: loại hình thiên tai và các tác động của nó), các kỹ năng phòng chống các loại hình thiên tai khác nhau như mưa lớn, bão, lũ, lũ quét...(chống chọi nhà cửa, neo đậu tàu bè, sơ tán người già, trẻ em, phụ nữ mang thai,...). Giai đoạn này tập

trung vào các hoạt động phòng ngừa thiệt hại trước khi thiên tai xảy ra.

▪ Giai đoạn ứng phó thiên tai: Nhóm tiêu chí này tập trung vào các hoạt động ứng phó khi thiên tai xảy ra, phục vụ đánh giá năng lực cộng đồng về các kiến thức liên quan tới kỹ năng cứu hộ, cứu nạn các hoạt động cứu trợ khẩn cấp trong hoặc ngay sau bão, các công việc nên và không nên làm khi thiên tai xảy

ra...Các hoạt động cũng được đánh giá đối với từng loại hình thiên tai cụ thể.

▪ Giai đoạn phục hồi sau thiên tai: Đây là nhóm tiêu chí tương đối quan trọng nhằm đánh giá năng lực cộng đồng phục hồi sau khi thiên tai xảy ra. Nhóm tiêu chí này tập trung vào đánh giá về sinh kế của người dân phục hồi sau thiên tai như kiến thức về chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

4. KẾT QUẢ XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC XÂY DỰNG NĂNG LỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, THIÊN TAI TẠI CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CẤP LÀNG XÓM THÔN

Bộ tiêu chí được hoàn thiện sau khi được kiểm định thực tế ở hai tỉnh Bạc Liêu và Lào Cai.

A	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
I	Tiêu chí 1: Nhận thức của cộng đồng về khái niệm BĐKH
1	Tỉ lệ cộng đồng được tuyên truyền, tập huấn các kiến thức hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu và các tác động của nó tới đời sống người dân
II	Tiêu chí 2: Nhận thức của cộng đồng về kỹ năng giảm thiểu nguyên nhân gây BĐKH
1	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn và nắm được Kiến thức về giảm thiểu phát thải khí nhà kính (VD: kiến thức về trồng rừng, mua bán phát thải khí CO ₂ ...)
2	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn và có thể áp dụng kiến thức canh tác lúa nước giảm phát thải khí nhà kính (ví dụ: tưới tiết kiệm giảm thiểu phát thải khí mêtan theo hình thức “nông – lộ - phơi” giảm phát thải khí nhà kính)
3	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn và hiểu Kiến thức về Nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng và tránh tổn thất năng lượng (ví dụ: Sinh hoạt (Tiết kiệm nước, tắt điện khi sử dụng, trồng cây xanh, hạn chế dùng túi lilon, sử dụng đèn compact, đi bộ đi xe đạp xe bus, tận dụng năng lượng mặt trời, ăn nhiều rau xanh)
4	Tỉ lệ cộng đồng được trang bị Kiến thức về Sử dụng các nguồn năng lượng trong đun nấu hàng ngày như khí biogas, năng lượng mặt trời thay cho dùng than, củi truyền thống
5	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn về giảm thiểu nguyên nhân gây ra BĐKH trong chăn nuôi (Ví dụ: xử lý bằng công nghệ biogas, ủ phân compost, độn lót sinh học, quản lý chất thải)
6	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn nuôi trồng thủy sản (Giảm thiểu sử dụng năng lượng hóa thạch, điện, thức ăn nguồn gốc động vật, hóa chất và thuốc...; trồng cây xanh trong trang trại, xử lý chất thải, nuôi luân canh, xen canh)
7	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn thu gom xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp (Sản xuất than sinh học (biochar) từ rơm rạ, trấu, thân và lõi ngô, mùn cưa, bã mía, sơ dừa, bã sắn, vỏ café, điều..., công nghệ sản xuất compost, phân hữu cơ vi sinh từ phế phẩm nông nghiệp..)
8	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn thu gom tận dụng phế phụ phẩm nông nghiệp (tận dụng làm đồ thủ công mỹ nghệ, chế biến thức ăn gia súc, chế biến thành nhiên liệu)
III	Tiêu chí 3: Nhận thức cộng đồng về giải pháp thích ứng với BĐKH
1	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn và sử dụng được kiến thức ứng phó với tác động bất lợi của BĐKH (Ví dụ: tập huấn về kỹ thuật chằng chống nhà cửa, chống nước biển dâng...)?
2	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn về sinh kế phù hợp ứng phó với các tác động bất lợi của BĐKH (giới thiệu về các giống cây trồng, thủy sản mới có khả năng chống chịu với môi trường khắc nghiệt...)?
4	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn kỹ thuật, vận động, hướng dẫn làm chuồng trại đảm bảo để phòng chống sự thay đổi của thời tiết?

5	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn phòng chống dịch bệnh cho người và gia súc vật nuôi?
B	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VỀ ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI
	Tiêu chí 1: Tuyên truyền tập huấn trong Giai đoạn giảm nhẹ, phòng ngừa thiên tai
1	Tỉ lệ cộng đồng được tuyên truyền, tập huấn các kiến thức hiểu biết cơ bản về thiên tai, loại hình thiên tai và các tác động của nó tới đời sống người dân
2	Có khu vực tránh trú bão an toàn bảo vệ người dân và tài sản trước khi thiên tai xảy ra
3	Có thành lập tổ/đội ứng phó khẩn cấp với thiên tai không (có nhiệm vụ sơ cứu, tìm kiếm cứu nạn, cảnh báo sớm, phát hiện và xử lý sự cố ...)
4	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các biện pháp phòng chống bão: chằng chống nhà cửa, neo đậu tàu bè, sơ tán dân cư
5	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các kỹ năng, biện pháp phòng chống lốc xoáy: chằng chống nhà cửa, neo đậu tàu bè, sơ tán dân cư
6	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các biện pháp giảm thiệt hại do lũ lụt: chằng chống nhà cửa, sơ tán dân cư
7	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các biện pháp giảm thiệt hại do lũ quét: chằng chống nhà cửa, sơ tán dân cư
8	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các biện pháp giảm thiệt hại do sạt lở đất: chằng chống nhà cửa, sơ tán dân cư
9	Tỉ lệ cộng đồng được cung cấp thông tin cảnh báo sớm hiện tượng hạn hán cho khu vực
11	Tỉ lệ cộng đồng được cung cấp thông tin cảnh báo sớm hiện tượng rét hại cho khu vực
12	Tỉ lệ cộng đồng được cung cấp thông tin cảnh báo sớm hiện tượng mưa đá cho khu vực
13	Tỉ lệ cộng đồng được cung cấp thông tin cảnh báo sớm hiện tượng sương muối cho khu vực
14	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các kỹ năng thoát hiểm cho các đối tượng trong khu vực có thể bị ảnh hưởng bởi sóng thần
15	Cộng đồng được tập huấn và xác định được khu vực canh tác và sinh hoạt không bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn
II	Tiêu chí 2: Tuyên truyền tập huấn trong Giai đoạn ứng phó thiên tai
1	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn về các việc cần làm và không nên làm khi thiên tai xảy ra (VD: nghe các bản tin thời tiết, tắt hệ thống điện ...)
2	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn kỹ năng cứu hộ, cứu nạn các hoạt động cứu trợ khẩn cấp trong hoặc ngay sau bão, áp thấp nhiệt đới, lũ
3	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các hoạt động cứu trợ khẩn cấp ngay sau từng trận lốc xoáy
5	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các hoạt động cứu trợ khẩn cấp trong hoặc ngay sau khi xảy ra sạt lở đất
6	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn kỹ năng phối hợp với chính quyền địa phương xác định được khu vực an toàn bảo vệ người dân và tài sản khi có nước dâng
7	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn và xác định được khu vực canh tác và sinh hoạt không bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, lập kế hoạch xác định khu vực canh tác và sinh hoạt giảm thiểu thiệt hại do xâm nhập mặn
8	Thôn/xóm có được tập huấn các hoạt động cứu trợ khẩn cấp trong hoặc ngay sau từng đợt nắng nóng, hạn hán
9	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các kỹ năng, biện pháp bảo vệ sức khỏe người dân, cây trồng, vật nuôi trong đợt rét đậm, rét hại
10	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các kỹ năng, biện pháp chống mưa đá: chằng chống nhà cửa, sơ tán người già, trẻ em, phụ nữ mang thai,... bảo vệ cây trồng, vật nuôi khi xảy ra mưa đá

11	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các hoạt động cứu trợ khẩn cấp trong hoặc ngay sau từng đợt sương muối
12	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn kỹ năng thoát hiểm, tránh trú an toàn, cứu hộ, cứu trợ khi xảy ra động đất
13	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn các kỹ năng thoát hiểm, tránh trú an toàn, cứu trợ, cứu hộ khi xảy ra sóng thần
III	Tiêu chí 3: Tuyên truyền tập huấn trong Giai đoạn phục hồi sau thiên tai
1	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn về các việc cần làm và không nên làm sau khi thiên tai xảy ra (VD: kỹ thuật sửa chữa nhà cửa hư hỏng do thiên tai, vệ sinh môi trường sau thiên tai ...)?
2	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn áp dụng chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị ảnh hưởng bão, áp thấp nhiệt đới
3	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực xảy ra lốc xoáy
4	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị ảnh hưởng lũ lụt
5	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực thường xuyên xảy ra lũ quét
6	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị ảnh hưởng do nước dâng
7	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn
8	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị ảnh hưởng do hạn hán, nắng nóng kéo dài
9	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị ảnh hưởng do rét hại
10	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị mưa đá
11	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh tế hộ gia đình cho phù hợp với khu vực bị ảnh hưởng do sương muối
12	Tỉ lệ cộng đồng được tập huấn kiến thức về xử lý môi trường khu dân cư sau khi thiên tai đi qua (xử lý nguồn nước ăn, làm sạch môi trường ...)?
C	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NÂNG CAO NĂNG LỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
I	Tiêu chí 1: Sản xuất nông nghiệp
1	Cộng đồng có hương ước/cam kết cấp làng, xã về bảo vệ môi trường?
2	- Có được tập huấn về sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu tránh ô nhiễm môi trường đất (Ví dụ: thời điểm để sử dụng, liều lượng, và tiêu hủy thuốc trừ sâu)?
3	- Đã được tập huấn hay hướng dẫn thu gom và xử lý phụ phẩm sản xuất nông nghiệp (Ví dụ: thu gom phụ phẩm sản xuất nông nghiệp làm phân compost, làm than hoạt tính, làm sản phẩm thủ công, chế biến làm thức ăn gia súc, tiêu hủy)?
4	- Có được tập huấn, thông tin về ô nhiễm nguồn nước mặt do sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu (kênh mương, ao hồ)?
5	- Có được tập huấn, giới thiệu các chương trình đào tạo tập huấn giảm phát thải phân bón thuốc trừ sâu ô nhiễm nguồn nước mặt (Ví dụ: hướng dẫn sử dụng phân bón thuốc trừ sâu theo hướng sinh thái, sử dụng phân bón sinh học)?

6	-Có được tham gia các chương trình, tập huấn, tuyên truyền về giảm phát thải khí nhà kính, ô nhiễm không khí từ sản xuất nông nghiệp?
7	-Tập huấn về xử lý sản phẩm nông nghiệp giảm phát thải khí nhà kính (Ví dụ: sản xuất các sản phẩm phụ của nông nghiệp ra phân bón, than hoạt tính)?
II Tiêu chí 2: Chăn nuôi	
8	- Có được tập huấn về xử lý phụ phẩm bã thải chăn nuôi (Ví dụ: chương trình thu hồi khí sinh học, làm phân compost bón ruộng, vườn)?
9	-Có được tập huấn, giới thiệu chương trình xây dựng khu xử lý nước thải chăn nuôi thu hồi khí biogas cho chăn nuôi?
III Tiêu chí 3: Sinh hoạt	
10	- Có được tập huấn hay thành lập tổ tự quản thu gom xử lý rác thải sinh hoạt (Ví dụ: thu gom và phân loại rác thải sinh hoạt, tổ thu gom, tái chế, bãi chôn lấp tập trung)?
11	Có được tập huấn về sử dụng, xử lý nguồn nước sạch trong sinh hoạt?
12	-Có được tập huấn, giới thiệu các chương trình hỗ trợ về thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt?
13	Có được tuyên truyền tập huấn về xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh?
14	Có được tuyên truyền phổ biến và có quy hoạch về xây dựng các nghĩa trang trong khu dân cư?
15	-Có được tham gia các chương trình hỗ trợ, tập huấn về sử dụng hiệu quả năng lượng, sử dụng bếp đun dùng khí biogas cho sinh hoạt?
IV Tiêu chí 4: Nuôi trồng thủy sản	
16	-Có được tập huấn về thu hồi xử lý phụ phẩm nuôi trồng thủy sản (Ví dụ: thu hồi bã thải chế biến, nuôi trồng thủy sản)?
17	-Có được tập huấn, tuyên truyền về xử lý bùn thải, bã thải khu nuôi trồng thủy sản (Ví dụ: chương trình truyền thông, tập huấn thu gom, xử lý bùn thải trong quá trình nuôi trồng thủy sản)
18	-Có được tập huấn, giới thiệu chương trình về xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản (Ví dụ: hồ sinh học xử lý xử lý nước thải trong chăn nuôi thủy sản, hợp tác xã xử lý nước thải nuôi trồng, các biện pháp xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản)?
V Tiêu chí 5: Lâm nghiệp	
19	-Có được tập huấn, tuyên truyền thu gom, xử lý phụ phẩm sản xuất lâm nghiệp (Ví dụ: thu hồi các chất thải trong sản xuất lâm nghiệp, sản xuất hàng thủ công, tái sử dụng, sản xuất phân compost từ lá, cây, cành)
20	-Có được tập huấn, hỗ trợ thông tin về cơ cấu lâm nghiệp cải môi trường đất, kỹ thuật thu gom, xử lý phụ phẩm sản xuất lâm nghiệp?
21	-Có được tập huấn, giới thiệu về ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến nguồn nước (Ví dụ: rửa trôi của phân bón trong lâm nghiệp ảnh hưởng đến nguồn nước, hiện tượng dư thừa dinh dưỡng cho các sông suối, nguồn nước của cộng đồng từ xuất lâm nghiệp)?
VI Tiêu chí 6: Sản xuất thủ công	
22	-Có được tập huấn, hỗ trợ thông tin về thu hồi, tái chế, rác thải rắn, phụ phẩm quá trình sản xuất?
23	-Có được tập huấn, tham gia chương trình tập huấn xử lý liên quan nước thải sản xuất thủ công (Ví dụ: xử lý nước thải quá trình sản xuất các sản phẩm nông nghiệp như sắn, bánh đa)?
24	Có được giới thiệu, tập huấn giới thiệu các kỹ thuật nhằm giảm thiểu nước thải ô nhiễm trong quá trình sản xuất?
25	-Có được tham gia các chương trình hỗ trợ thu gom, xử lý khí thải sản xuất (Ví dụ: thu hồi khí bụi trong sản xuất thủ công)?

5. KẾT LUẬN

Việc xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá công tác xây dựng năng lực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai cho cộng đồng cấp làng, xóm, thôn là hết sức thiết thực

để đánh giá năng lực của các địa phương hàng năm. Để bộ tiêu chí này được hiệu quả, cần thực hiện các phiếu điều tra và phần mềm cập nhật, giúp các địa phương tự cập nhật lưu trữ số liệu và báo cáo đánh giá năng lực hàng năm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Bảo vệ Môi trường: Báo cáo diễn biến môi trường nước Việt Nam năm 2003 (tr. 27) Cục Đề điều (trang thông tin điện tử: www.ccfsc.org.vn)
- [2] Lê Công Thành: Giải pháp và thể chế, chính sách về vấn đề biến đổi khí hậu của Việt Nam, báo cáo tại Hội nghị Biến đổi khí hậu ngày 22 tháng 11/2007 do Đối tác giảm nhẹ thiên tai chủ trì tại Hà Nội
- [3] Hội chữ thập đỏ Việt nam: Giới thiệu về quản lý thảm họa tại cộng đồng. Hà Nội 2002
- [4] Bộ NNPTNT, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, 2011. Tài liệu hướng dẫn Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- [5] Bộ NNPTNT, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, 2012. Tài liệu kỹ thuật – Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với Biến đổi khí hậu.
- [6] Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2011, Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam
- [7] Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Quốc tế, 2009. Hệ thống tài liệu hướng dẫn Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- [8] Trung tâm Phòng chống Thiên tai châu Á, 2009. Lũ lụt - Thảm họa và Thiên tai.
- [9] Phạm Hồng Cường và nnk: Báo cáo nhiệm vụ môi trường “Đánh giá kết quả công tác xây dựng năng lực bảo vệ môi trường và ứng phó BĐKH, thiên tai tại cộng đồng dân cư cấp làng, xóm, thôn.